

Chủ đề 2 PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20

Bài 7 PHÉP CỘNG (qua 10) TRONG PHẠM VI 20 (5 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20, tính được phép cộng (qua 10) bằng cách nhẩm hoặc tách số.
- Hình thành được bảng cộng (qua 10).
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến phép cộng (qua 10).

Phát triển năng lực

- Thông qua hoạt động khám phá, lựa chọn để tự tìm ra các cách tính thích hợp, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.
- Thông qua hệ thống giải các bài tập vận dụng, bổ sung, nâng cao (cộng bằng cách đếm tiếp, tách số,...), HS phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

II CHUẨN BỊ

- Có thể phóng to một số tranh trong SGK để mô tả bài toán thành câu chuyện hoặc bài toán vui để dạy học.
- Bộ đồ dùng học Toán 2 (có thể dùng mô hình hoặc que tính thay thế “vật liệu” trong SGK để dạy học).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20

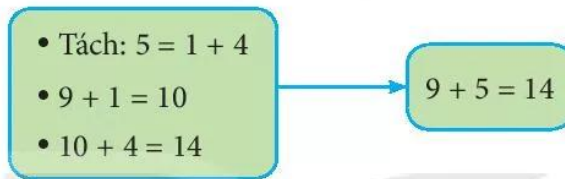
Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Nhận biết được phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20, tính được các phép cộng (qua 10) bằng cách đếm tiếp hoặc tách số.

1. Khám phá

– Cách tiếp cận:



- GV có thể nêu thành bài toán để dẫn ra phép tính “ $9 + 5 = ?$ ”. Chẳng hạn: “Một lọ hoa có 9 bông hoa đỏ và một lọ hoa có 5 bông hoa vàng. Hỏi hai lọ có tất cả bao nhiêu bông hoa?”, đưa ra phép tính “ $9 + 5 = ?$ ”. Làm thế nào để tính được phép tính này? (Là phép tính cộng có kết quả qua 10, khác với phép tính đã học là cộng hai số có kết quả trong phạm vi 10.).
- + Mai đưa ra cách đếm tiếp: 9, 10, 11, 12, 13, 14. Ta có: $9 + 5 = 14$. Nhưng nếu gặp trường hợp $9 + 9 = ?$ thì làm theo cách này có thể sẽ khó khăn hơn.
- + Việt đưa ra cách tách số. GV giải thích cách tách số như SGK và cho biết bản chất là tách số hạng thứ hai để lấy một số đơn vị thêm vào số hạng thứ nhất được tổng là 10 (1 chục), rồi nhắm tiếp ra kết quả, chẳng hạn:



- So sánh hai cách tính, tùy trường hợp mà thực hiện thích hợp, nhưng thông thường để dễ thực hiện hơn cho các phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20 thì nên tính theo cách tách số.
- GV có thể nêu ví dụ, chẳng hạn: $8 + 3 = ?$ để HS thực hiện hai cách nêu trên, rồi lựa chọn cách nào cũng được.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS dùng cách tách số tương tự ở phần khám phá, qua hình ảnh gợi ý que tính hoặc quả táo để tìm các số trong ô có dấu “?” và tính được $9 + 6 = 15$ (câu a); $8 + 6 = 14$ (câu b).

Lưu ý: Hình ảnh bông hoa ở khám phá, quả táo ở câu b bài 1 có thể mô hình hoá là que tính, GV có thể sử dụng que tính để HS tự thao tác làm được các phép tính tương tự SGK.

Bài 2:

- Câu a: Yêu cầu HS nhắm bằng cách đếm tiếp: 9, 10, 11. Vậy có $9 + 2 = 11$.
- Câu b: Yêu cầu HS dùng cách tách số để tính được $9 + 3 = 12$ và $9 + 7 = 16$.
- Câu c: HS có thể nhắm để tính ngay kết quả $8 + 3 = 11$, $8 + 5 = 13$, $9 + 4 = 13$.
Chẳng hạn:
 - + Tách 3, bù 2 sang 8 tròn 10, còn 1, vậy $8 + 3 = 11$;
 - + Tách 5, bù 2 sang 8 tròn 10, còn 3, vậy $8 + 5 = 13$;
 - + Tách 4, bù 1 sang 9 tròn 10, còn 3, vậy $9 + 4 = 13$.

Lưu ý:

- Sau hai phần khám phá và hoạt động, GV có thể chốt lại cho HS thấy có các phép tính:
 $9 + 2 = 11, 9 + 4 = 13, 9 + 5 = 14, 9 + 6 = 15, 9 + 7 = 16, 8 + 3 = 11, 8 + 5 = 13, 8 + 6 = 14.$
- Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố kiến thức (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố phép cộng (qua 10); hoàn thiện được bảng “9 cộng (qua 10) với một số”; vận dụng vào bài toán thực tế và tính toán với trường hợp có hai dấu phép tính.

Bài 1: Yêu cầu bằng tách số, HS tính được $3 + 8$ bằng hai cách. Cách 1: Tách 8, bù 7 sang 3 tròn 10, còn 1, vậy $3 + 8 = 11$. Cách 2: Tách 3, bù 2 sang 8 tròn 10, còn 1, vậy $3 + 8 = 11$. (Nên cho HS nhận xét và lựa chọn cách phù hợp và thuận tiện hơn.)

Bài 2: Yêu cầu HS tự hoàn thiện bảng “9 cộng với một số”.

Trong bảng còn phép tính $9 + 8$ và $9 + 9$ chưa học, HS có thể tự tìm ra kết quả bằng tách số hoặc đã có $9 + 7 = 16$ thì suy ra $9 + 8 = 17$ (thêm 1), $9 + 9 = 18$ (thêm 1),...

Bài 3: Yêu cầu HS thực hiện phép tính từ trái sang phải (đã học ở lớp 1).

Khi đến các phép cộng (qua 10) như $9 + 5, 9 + 4, 8 + 5$ thì HS đã biết kết quả (đã học trước đó).

Bài 4: Yêu cầu HS tìm kết quả phép tính rồi xem phép tính ở con mèo nào có kết quả tương ứng ở con cá nào (thực chất là nối phép tính với kết quả tương ứng).

- GV có thể đổi số ở phép tính và ở kết quả, để HS tìm ra kết quả của các phép tính (khác SGK) với vị trí cá, mèo có thay đổi (dễ hoặc khó hơn).
- Tùy điều kiện thực tế và đối tượng HS, GV có thể nêu tình huống. Chẳng hạn: Con cá ghi số 12 đổi thành con cá ghi số 10 rồi hỏi: “Có chú mèo nào không bắt được cá không?”.

Bài 5: HS quan sát tranh, tự nêu thành bài toán (cho biết gì, hỏi gì?) rồi nêu hoặc viết phép tính thích hợp, chẳng hạn: $9 + 4 = 13$.

HS chỉ cần nêu, viết số vào ô có dấu “?”.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 3. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS tự hoàn thiện được bảng “7 cộng với một số” và bảng “8 cộng với một số”; vận dụng vào làm bài tập và giải các bài toán thực tế.

Bài 1: Yêu cầu HS biết tách số rồi tự tìm ra kết quả: $7 + 5 = 12$ (câu a) và $7 + 6 = 13$ (câu b).

- GV có thể gợi ý HS làm tương tự các bài ở trang 27, Toán 2 tập một.

Bài 2:

– Câu a: Yêu cầu HS tự hoàn thiện bảng “7 cộng với một số”.

Khi tính $7 + 9 = ?$, HS có thể dựa vào kết quả đã biết là $9 + 7 = 16$.

– Câu b: Yêu cầu HS tách 14 thành tổng hai số, chẳng hạn: $14 = 10 + 4$, $14 = 9 + 5$, $14 = 8 + 6$, $14 = 7 + 7$.

+ HS nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” ở nhóm 2.

+ Chủ yếu dựa vào các phép cộng đã học ($9 + 5 = 14$, $8 + 6 = 14$, $7 + 7 = 14$) để tìm ra kết quả, chưa yêu cầu tìm các số ở nhóm 2 bằng phép trừ.

+ Dựa vào que tính trong Bộ đồ dùng học Toán 2, GV có thể cho mỗi HS lấy 14 que tính đặt lên bàn rồi tách thành hai nhóm, đếm số que tính tìm được theo yêu cầu để bài.

Bài 3: Yêu cầu và cách làm tương tự bài 1, HS tính được:

$$8 + 7 = 15, 8 + 5 = 13, 8 + 8 = 16, 6 + 5 = 11.$$

Bài 4: Yêu cầu HS tự hoàn thiện bảng “8 cộng với một số” (tương tự bài 2).

Bài 5: Yêu cầu HS tìm hiểu đề bài (bài toán cho biết gì, hỏi gì?), hướng dẫn cách tóm tắt bài toán, từ đó tìm ra phép tính đúng và trình bày bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Cả quần áo và sách vở, các bạn quyên góp được số thùng là:

$$8 + 5 = 13 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 13 thùng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 4. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS tự hoàn thiện được bảng “6 cộng với một số”; vận dụng giải các bài tập và bài toán thực tế.

Bài 1:

– Câu a: Yêu cầu HS tự hoàn thiện bảng “6 cộng với một số”.

– Các phép tính $6 + 7 = 13$, $6 + 8 = 14$, $6 + 9 = 15$ có thể dựa vào các phép tính đã học là $7 + 6 = 13$, $8 + 6 = 14$, $9 + 6 = 15$.

– Câu b: Yêu cầu HS củng cố, nhận biết cách làm bài toán dạng bài hình tháp (đã học ở lớp 1). $1 + 2 = 3$, $2 + 6 = 8$, $3 + 8 = ?$ (hình tháp bên trái) hoặc $1 + 2 = 3$, $2 + 2 = 4$, $2 + 0 = ?$, $3 + 4 = ?$, $4 + ? = ?$, $? + ? = ?$ (hình tháp bên phải). Từ đó tìm các số ở ô có dấu “?”.

– Lưu ý: Hình tháp bên trái là gợi ý làm hình tháp bên phải.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính (câu a), trong trường hợp (nâng cao) có ba dấu phép tính (câu b). Yêu cầu HS nhằm từng phép tính theo chiều mũi tên để tìm ra kết quả là số cần tìm ở ô có dấu “?”. Chẳng hạn ở câu b: Nhấm: $5 + 2 = 7$, $7 + 6 = 13$, $13 + 4 = 17$.

Bài 3: Yêu cầu HS quan sát tranh, nhằm tính kết quả các phép tính, rồi tìm hai phép tính có kết quả bằng nhau, chẳng hạn: $6 + 7 = 7 + 6$; $7 + 4 = 6 + 5$; $6 + 6 = 7 + 5$; $7 + 8 = 6 + 9$; $7 + 7 = 6 + 8$.

- GV có thể nêu thành bài toán vui, chẳng hạn: Ong tìm hoa.
- Có thể gợi ý: Tính kết quả phép tính từ mỗi con ong rồi liên hệ tới kết quả phép tính ở mỗi bông hoa để tìm hai phép tính có kết quả bằng nhau.
- Phát triển: Có thể đổi phép tính ở một bông hoa hoặc một con ong để hỏi: Có ong nào không tìm được hoa không?

Bài 4: Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, tìm hiểu bài toán (cho biết gì, hỏi gì?). Từ đó tìm được phép tính đúng và trình bày bài giải, chẳng hạn:

Bài giải

Số toa đoàn tàu có tất cả là:

$$4 + 7 = 11 \text{ (toa)}$$

Đáp số: 11 toa tàu.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 5. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố các phép tính cộng (qua 10) của các bảng 6, 7, 8, 9 cộng với một số; vận dụng vào một số bài tập và giải các bài toán thực tế.

Bài 1: Củng cố các phép tính cộng (qua 10) đã học, HS tự hoàn thiện các số còn thiếu trong bảng này.

Bài 2: Yêu cầu HS tính các phép cộng (ở năm), rồi tìm các phép cộng có kết quả bằng 12, sau đó trả lời câu hỏi của bài toán. Chẳng hạn: Bạn Sao hái được 4 cây nấm: $6 + 6$, $9 + 3$, $7 + 5$, $8 + 4$.

- Có thể đưa ra bài toán vui, câu chuyện “Bạn Sao hái nấm” để HS hứng thú làm toán (Bạn Sao là hình ảnh em gái người dân tộc).
- Cũng có thể hiểu đây là bài toán nối các phép tính (ở năm) có kết quả bằng 12 với số 12 (ghi ở giỏ đựng nấm). Có bao nhiêu phép tính như vậy thì có bấy nhiêu cây nấm mà Sao hái được. GV có thể đổi số ở phép tính hay ở kết quả để có ví dụ khác cho HS làm.
- GV cũng có thể hỏi: “Còn sót lại cây nấm nào mà bạn Sao chưa hái không?”

Bài 3: Yêu cầu HS tự tính được kết quả các phép tính (câu a), từ đó so sánh kết quả các phép tính đó để tìm ra các phép tính nào có kết quả bằng nhau (câu b).

- Tranh minh họa nhà sàn dân tộc, cùng bối cảnh có bạn Sao người dân tộc hái nặm (ở bài 2) để bài toán thêm sinh động và gắn với các vùng miền.
- Câu b, GV có thể hỏi thêm (HS tự trả lời), chẳng hạn:
 - + Bậc thang nào ghi phép tính có kết quả bé nhất?
 - + Bậc thang nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất?

Bài 4: Yêu cầu HS quan sát số chấm ở mặt trên xúc xắc, tính nhẩm, rồi tìm ra hai xúc xắc có tổng số chấm ở mặt trên là 11.

- HS có thể từ một con xúc xắc (chẳng hạn là A, rồi thử chọn cộng số chấm ở mặt trên của A với số chấm ở mặt trên của mỗi xúc xắc còn lại để tìm ra kết quả).
- Nếu có điều kiện làm trên phiếu học tập, GV có thể đổi lệnh thành: “Khoanh vào chữ đặt trước hai con xúc xắc có tổng số chấm ở mặt trên là 11 (hoặc là 10, là 9,...)”.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).